

Số: /BC-SNN

Kon Tum, ngày tháng năm

## BÁO CÁO

**Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022**  
*(Số liệu báo cáo từ ngày 13/12/2021 đến ngày 12/12/2022)*

Kính gửi:

- UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy.

Thực hiện Công văn số: 1930/UBND-NC ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 03/2013/TT-TTCTP;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022, như sau:

### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO.**

#### **1. Công tác tiếp công dân**

##### **a) Kết quả tiếp công dân**

- Tại Khối Văn phòng Sở: Bố trí 01 Thanh tra viên thường xuyên tiếp công dân vào tất cả các ngày làm việc trong tuần tại Phòng tiếp công dân (*Phòng Thanh tra Sở*). Trong kỳ báo cáo, Giám đốc Sở thực hiện tiếp công dân vào thứ 5 của tuần cuối tháng theo quy định.

- Tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc: Tổ chức tiếp công dân tại phòng tổ chức hành chính hoặc phòng tiếp công dân của cơ quan, đơn vị vào tất cả các ngày làm việc trong tuần tại Phòng tiếp công dân. Riêng lãnh đạo các đơn vị thực hiện tiếp công dân 01 ngày hàng tuần, tháng (*theo lịch đã niêm yết tại cơ quan*);

- Trong kỳ báo cáo không có công dân nào đến khiếu nại, tố cáo tại phòng tiếp công dân của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc.

**b) Nội dung tiếp công dân:** Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có nội dung liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền. Hướng dẫn hoặc chuyển đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có nội dung không thuộc thẩm quyền tới nơi thuộc thẩm quyền để được giải quyết (*nếu có*).

**c) Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân:** Trong kỳ báo cáo không có vụ việc xử lý qua tiếp công dân.

#### **2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo:**

a) Tiếp nhận trong kỳ báo cáo: Tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận 08 đơn qua đường bưu điện; 01 thông tin báo nêu và 01 đơn phản ánh của Nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông của Văn phòng UBND tỉnh chuyển đến; 02 đơn của Ban Tiếp công dân tỉnh chuyển đến; 01 đơn của Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến theo chế độ mật; các đơn vị trực thuộc không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

b) Phân loại đơn:

- 10 đơn kiến nghị, phản ánh; 01 thông tin báo nêu (trong đó: 01 đơn kiến nghị, phản ánh và 01 thông tin báo nêu tại Công văn số 1154/VP-NNTN ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến có nội dung giống nhau);

- 01 thông tin phản ánh của Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến giải quyết theo chế độ mật.

- 01 thông tin có nội dung tố cáo không có họ tên, không có địa chỉ, không có nội dung rõ ràng, không có tài liệu chứng minh.

c) Xử lý đơn thư: cụ thể,

- 03 đơn kiến nghị phản ánh. Qua xem xét nội dung đơn và căn cứ quy định của pháp luật, 03 đơn không thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở đã chuyển đơn đến Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum giải quyết theo thẩm quyền.

- 01 đơn kiến nghị, phản ánh và 01 thông tin báo nêu tại Công văn số 1154/VP-NNTN ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến có nội dung giống nhau. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn: số 720/SNN-TTra ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc chuyển thông tin kiến nghị, phản ánh của công dân; số 849/SNN-TTra ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc chuyển thông tin báo nêu giao Chi cục Kiểm lâm triển khai thực hiện (Chi cục Kiểm lâm đã có báo cáo số 127/BC-CCKL, ngày 26 tháng 3 năm 2022 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh về kết quả xác minh thông tin kiến nghị, phản ánh của Công dân về việc khai thác gỗ Trắc tại khoảnh 1a, tiểu khu 606 lâm phần VQG Chư Mom Ray và báo cáo số 146/BC-CCKL ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Kiểm lâm về kết quả kiểm tra, xác minh thông tin báo chí phản ánh về rừng ở Vườn quốc gia Chư Mom Ray).

- 01 thông tin có nội dung tố cáo gửi qua đường bưu điện chuyển đến. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Thanh tra Sở làm rõ thông tin có nội dung tố cáo được giải quyết theo chế độ mật.

- 01 thông tin phản ánh của Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến giải quyết theo chế độ mật. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh thông tin phản ánh giải quyết theo chế độ mật.

- 01 đơn kiến nghị, phản ánh về giải quyết đất đai gửi nhiều cơ quan, đơn vị trong đó đơn đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết). Qua xem xét nội dung đơn và căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 28 Thông tư số: 05/2021/TT-TTCT, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ

quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và quy định của pháp luật thì đơn không đủ điều kiện xử lý và xử lý lưu đơn.

- 01 đơn phản ánh không có họ tên, không có địa chỉ. Qua xem xét nội dung đơn và căn cứ Khoản 2, Điều 20 Thông tư số: 05/2021/TT-TTTP, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và quy định của pháp luật thì đơn không thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và xử lý lưu đơn.

- 01 đơn kiến nghị của Bà Nguyễn Thị Lệ Thu. Qua xem xét nội dung đơn và căn cứ quy định của pháp luật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn số 1031/SNN-TTra ngày 24/4/2022 về việc chuyển đơn kiến nghị, phản ánh của công dân và Công văn số 1172/SNN-TTra ngày 09/5/2022 về việc bổ sung nội dung trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của công dân giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật triển khai thực hiện.

- 01 đơn phản ánh của Nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông tại Công văn số 1519/VP-NNTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến xử lý giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm tỉnh) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện. Chi cục Kiểm lâm đã có báo cáo số 181/BC-CCKL, ngày 06 tháng 5 năm 2022 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh về kết quả xác minh thông tin kiến nghị, phản ánh của Nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông.

- 02 đơn kiến nghị tại Phiếu chuyển đơn kiến nghị, phản ánh số: 37, 38/PC-TD ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Ban Tiếp công dân tỉnh chuyển đến. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao phòng Tổ chức cán bộ phối hợp Chi cục Kiểm lâm tham mưu thực hiện. Sở Nội vụ ban hành Công văn số 1513/SNV-TTr, ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của công dân.

Xử lý đơn: Trong kỳ báo cáo, Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận nhận 01 đơn thư Văn phòng Tỉnh ủy chuyển đến theo chế độ mật. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã báo cáo kết quả xác minh đơn tố cáo giải quyết theo chế độ mật.

### **3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền:**

- 03 đơn kiến nghị. Căn cứ Khoản 2, Điều 20 Thông tư số: 05/2021/TT-TTTP, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và quy định của pháp luật, đơn không thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở đã chuyển đơn đến Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật (Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum đã có Công văn số 06/BQL-KTQLCT, ngày 17/01/2022 về việc trả lời, xử lý đơn kiến nghị, phản ánh của công dân nuôi cá trong khu lòng hồ Đăk Hơ Niêng).

- 01 đơn kiến nghị, phản ánh và 01 thông tin báo nêu tại Công văn số 1154/VP-NNTN ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến có nội dung giống nhau. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo

cáo số 185/BC-SNN, ngày 13 tháng 4 năm 2022 về kết quả xác minh nội dung thông tin báo nêu về rừng ở Vườn quốc gia Chư Mom Ray, như sau:

+ Đối với nội dung: "*Khoảng 40 cây trặc hơn 20 năm tuổi và nhiều cây khác bị đào bới, tàn phá trái phép tại khoảnh 8, tiểu khu 605 và khoảnh 5, tiểu khu 606, Vườn quốc gia Chư Mom Ray, thuộc địa giới hành chính xã Sơn Sơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Vụ việc trên do chính Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray chỉ đạo thực hiện...*" **là không đủ cơ sở khẳng định**; Tổ kiểm tra liên ngành chỉ xác định và ghi nhận thực tế hiện trường đã di thực cây, dấu vết đào, mức bằng phương tiện cơ giới, cành nhánh loài cây Trắc đước cắt tía còn để lại hiện trường, phù hợp với dấu vết, chủng loại cây đã được trồng lại tại khuôn viên Ban quản lý Vườn Quốc gia Chư Mom Ray (tại thôn 3, thị trấn Sa Thầy); Đối với vị trí số lượng cây Trắc đước di thực: Tại khoảnh 5 và 8 Tiểu khu 605, chứ không có vị trí tại Tiểu khu 606 như thông tin Báo chí phản ánh; Tổ kiểm tra, xác minh mở rộng hiện trường kiểm tra khu vực giáp ranh hiện trường và Tiểu khu 606 là rẫy của người dân trồng cây Mì và Cà phê.

+ Đối với nội dung: "*Vấn đề mà dư luận tỉnh Kon Tum hiện nay quan tâm là việc Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray tự ý di thực số cây gỗ trặc trên*". **Nội dung này đúng sự thật.**

+ Đối với nội dung: "*Trong quá trình thực hiện việc di thực cây Trắc không báo cáo cho cơ quan chức năng để theo dõi, giám sát*"; **Nội dung này đúng sự thật** theo điểm b, khoản 3 Điều 12, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

- 01 thông tin có nội dung tố cáo gửi qua đường bưu điện chuyển đến. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết theo chế độ mật. Thanh tra Sở đã báo cáo Giám đốc Sở về kết quả làm rõ thông tin có nội dung tố cáo giải quyết theo chế độ mật và thực hiện lưu đơn theo quy định.

- 01 thông tin phản ánh của Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến giải quyết theo chế độ mật. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra, xác minh thông tin phản ánh giải quyết theo chế độ mật và thực hiện lưu đơn theo quy định.

- 02 đơn kiến nghị phản ánh (trong đó: 01 đơn không đủ điều kiện để xử lý, 01 đơn không thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), xử lý lưu đơn.

- 01 đơn kiến nghị của Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 1228/SNN-TTra, ngày 13 tháng 5 năm về việc trả lời đơn kiến nghị phản ánh của công dân, như sau:

+ **Cây mai là cây lấy gỗ, cây bóng mát và cây cảnh quan lâu năm** được quy định tại mục III của Danh mục loài cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu ban hành kèm theo Quyết định số: 1357/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

+ Tại Điều 2, Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Bảng đơn giá các loại

cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022, quy định: Bảng đơn giá các loại cây trồng ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng để quản lý hoạt động mua bán, kinh doanh các loại cây trồng và thu các loại phí, lệ phí có liên quan theo quy định của pháp luật. Bảng đơn giá cây trồng còn làm cơ sở đối chiếu, tổ chức thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến giá cây trồng trên địa bàn tỉnh. Do đó Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND không phải là cơ sở để áp giá bồi thường.

Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, địa phương tổ chức xác định giá các loại cây trồng theo quy định tại Khoản 1, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013, cụ thể:

*“Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với cây trồng thì việc bồi thường thực hiện theo quy định sau đây:*

*a) Đối với cây hàng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất;*

*b) Đối với cây lâu năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.”*

- 01 đơn phản ánh của Nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo số 241/BC-SNN, ngày 11 tháng 5 năm 2022 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả xác minh thông tin kiến nghị, phản ánh của Nhân dân thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, như sau:

+ Đơn kiến nghị là đơn mạo danh.

+ Đối với nội dung: *“Cháy rừng ngay giữa thanh thiên bạch nhật mà không thấy có cơ quan chức năng nào tới hiện trường dập lửa, điều tra vi phạm hủy hoại rừng và để xảy ra cháy rừng ngay giữa trung tâm huyện lúc này thì phải có sự làm nơ hoặc tiếp tay của chính quyền địa phương”*; **là không đúng sự thật.**

Cháy hiện trạng cây bụi, dây leo, một số cây ưa sáng phát triển **là có xảy ra**; tuy nhiên diện tích cháy là **0,22 ha** chứ không phải khoảng **01ha**, như nội dung đơn kiến nghị phản ánh. Như vậy, hành vi vi phạm xâm hại đến tài nguyên rừng là có thật.

*Đối với nội dung này Chi cục Kiểm lâm đã chỉ đạo Hạt Kiểm lâm Kon Plông thiết lập hồ sơ, điều tra, xác minh, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.*

+ Đối với nội dung: Việc đổ đất là có; tuy nhiên việc *“đổ đắp đất trên đỉnh đám rừng bị cháy phải chằng cũng để che khuất đi, hạn chế cho cơ quan chức năng tỉnh để ý thấy”* **là không đủ cơ sở khẳng định.**

- 02 đơn kiến nghị tại Phiếu chuyển đơn kiến nghị, phản ánh số: 37, 38/PC-TD ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Ban Tiếp công dân tỉnh chuyển đến. Sở Nội vụ ban hành Công văn số 1513/SNV-TTr, ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của công dân, như sau:

**1.** Đơn kiến nghị của 02 ông có nêu: *“Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu không phải là căn cứ để áp dụng chính sách tinh giản biên chế và các chế độ được hưởng trong tinh giản biên chế”* của 02 ông **là không đúng.**

Lý do:

Căn cứ quy định về giải quyết chính sách tinh giản biên chế tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 21/01/2021 của Bộ Nội vụ hợp nhất các Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

- Khoản 1 Điều 8 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV quy định: “1. Đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này **nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động** và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng các chế độ sau:

a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động;

c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) tháng tiền lương.”

- **Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động** quy định:

“3. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại **khoản 2 Điều này** tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

- **Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động** quy định:

“2. Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.

Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.”

Như vậy, theo khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động, **trong năm 2021 lao động nam có thể nghỉ hưu khi đủ 55 tuổi 03 tháng** (tức là thấp hơn không quá 05 tuổi so với 60 tuổi 03 tháng quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ Luật Lao động).

Theo đó, đối tượng tinh giản biên chế tại khoản 1 Điều 8 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV là **nam có tuổi từ đủ 50 tuổi 03 tháng đến đủ 53 tuổi 03 tháng** (tức là có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với 55 tuổi 03 tháng quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động) thì được hưởng chính sách về hưu trước tuổi.

- Nội dung này đã được Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể tại Văn bản số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 về việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Theo ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh (tại Văn bản số 1854/BHXH-CĐBHXH ngày 03/12/2021) đã xác định như sau:

+ Ông Cao Viết Hùng tại thời điểm đề nghị nghỉ hưu (ngày 01/7/2021) **đủ 57 tuổi** và có thời gian tham gia BHXH là 38 năm 06 tháng (trong đó có thời gian làm việc tại địa bàn có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 là **33 năm**);

+ Ông Lê Văn Ngân tại thời điểm đề nghị nghỉ hưu (ngày 01/7/2021) **đủ 58 tuổi 01 tháng** và có thời gian tham gia BHXH là 38 năm 04 tháng (trong đó có thời gian làm việc tại địa bàn có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 là **22 năm 04 tháng**).

Theo đó, 02 trường hợp trên đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ Luật lao động và pháp luật về BHXH (không được hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định về tinh giản biên chế).

2. Căn cứ để ban hành Văn bản số 1600/UBND-NC ngày 27/5/2022 (thống nhất đưa ra khỏi danh sách tinh giản biên chế đợt II năm 2021 đối với 02 trường hợp ông Cao Viết Hùng và Lê Văn Ngân và thực hiện thu hồi kinh phí theo quy định) như sau:

- Khoản 6 Điều 12 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV:

*“6. Khi thực hiện tinh giản biên chế không đúng đối tượng theo quy định của pháp luật, người đã hưởng chính sách tinh giản biên chế và cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp người đó có trách nhiệm như sau:*

*a) Người đã hưởng chính sách tinh giản biên chế phải hoàn trả số tiền đã thực nhận khi thực hiện chính sách, chế độ tinh giản biên chế theo quy định.*

*Trường hợp người đó đã mất trong thời gian nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì sẽ không phải hoàn trả kinh phí đã nhận, số kinh phí này sẽ do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp người đó sử dụng kinh phí thường xuyên để thanh toán, ngân sách nhà nước không bổ sung kinh phí.*

*b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp người thực hiện TGBC có trách nhiệm: Thông báo cho cơ quan bảo hiểm xã hội dừng thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội cho người thực hiện tinh giản biên chế **không đúng quy định; ...”**.*

- Khoản 6 Điều 19 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV quy định trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: *“6. ...Trường hợp thực hiện tinh giản biên chế không đúng đối tượng theo quy định của pháp luật, thì thực hiện thu hồi nộp ngân sách kinh phí thực hiện tinh giản biên chế, thu hồi các quyết định giải quyết tinh giản biên chế và bố trí cho những người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế trở lại làm việc”*.

**4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo:** Không

**5. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo:**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành các Văn bản triển khai đến các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo: Thông báo Lịch Tiếp công dân năm 2022 của Sở và các đơn vị trực thuộc; Quyết định số 136/QĐ-SNN ngày 21/01/2022 về Quy chế tiếp công dân của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum; Công văn số 313/SNN-TTra ngày 10/02/2022 về việc đôn đốc thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp tục kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài; Công văn số 2583/SNN-TTra, ngày 31 tháng 8 năm 2022 triển khai đến các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung của Nghị định số 55/2022/NĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo: Trong tháng, Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc tuyên truyền lồng ghép tại các cuộc họp giao ban tuần, tháng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân.

Sở đã triển khai đến các đơn vị trực thuộc Sở việc thực hiện tốt các Chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình diễn biến mới, đảm bảo vừa thực hiện tốt, có hiệu quả công tác tiếp công dân, vừa làm tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19, không để lây lan dịch bệnh tại nơi tiếp công dân.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG NĂM 2023.**

- Thực hiện việc tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân tại phòng tiếp công dân và việc tiếp công dân của Lãnh đạo Sở và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật không để tình trạng đơn giải quyết tồn đọng kéo dài, quá hạn và vượt cấp.

- Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm thủ trưởng (*lồng ghép vào các cuộc thanh tra hành chính*) trong việc thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật tiếp công dân ..., nâng cao trách nhiệm, vai trò người đứng đầu đơn vị trong công tác điều hành đơn vị, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo...

- Thực hiện nhiệm vụ khác do Lãnh đạo cấp trên giao.

Trên đây là nội dung báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên (báo cáo);
- Ban tiếp công dân tỉnh (biết);
- Thanh tra tỉnh (biết, tổng hợp);
- Ban Giám đốc Sở (biết);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở (biết);
- Trang thông tin điện tử của Sở NN&PTNT (công khai);
- Lưu: VT, VP, TTra.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tấn Liêm**



